

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định số 75-QĐ/TU ngày 29/12/2020 của Tỉnh ủy về Chương trình công tác toàn khoá của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 234/TTr-SNV ngày 20/9/2021 (sau khi đã thống nhất với các Sở, ngành liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2030.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021- 2030 và hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo nội dung Chương trình này.

Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện Chương trình này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban đảng;
- UBMTTQ tỉnh và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PTTH tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Trọng Hải

**CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt chủ trương của Nghị quyết Đại hội Đảng Bộ tỉnh lần thứ XIX là một trong những nhiệm vụ đột phá góp phần xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, văn hóa phát triển, xã hội tiến bộ, quốc phòng - an ninh đảm bảo, trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ.

2. Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, chất lượng điều hành của cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến các cấp cơ sở.

3. Các nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn.

4. Cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử với lộ trình bước đi phù hợp.

5. Cải cách hành chính phải gắn kết chặt chẽ, là nền tảng quan trọng góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh; phải gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước tại các cơ quan, đơn vị với nhiệm vụ cải cách hành chính nâng cao hiệu lực hiệu quả của cơ quan, tổ chức, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh là trọng tâm, ưu tiên hàng đầu.

6. Cải cách hành chính phải kế thừa những thành tựu đã đạt được trong cải cách hành chính nhà nước giai đoạn vừa qua; tiếp thu những kinh nghiệm, những bài học thành công trong cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trong cả nước để vận dụng vào thực tiễn một cách phù hợp.

II. MỤC TIÊU

Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả phục vụ Nhân dân góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi mục tiêu: xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, văn hóa phát triển, xã hội tiến bộ, quốc phòng - an ninh đảm bảo, trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ; cải thiện toàn diện đời sống Nhân dân; đến

năm 2025 tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, thu nhập bình quân đầu người cao hơn bình quân các tỉnh Bắc Trung Bộ, phấn đấu năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước.

Các chỉ số CCHC của tỉnh cải thiện và nâng cao các thứ hạng:

- Đến năm 2025: cải thiện điểm số, phấn đấu nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước về Chỉ số cải cách hành chính (ParIndex), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và nhóm 05 tỉnh, thành phố, đứng đầu cả nước về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), nhóm 20 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI)

- Đến năm 2030: phấn đấu nằm trong nhóm 08 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước về Chỉ số cải cách hành chính (ParIndex), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và nhóm 05 tỉnh, thành phố, đứng đầu cả nước về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI).

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 tập trung vào 06 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Trọng tâm cải cách hành chính 05 năm tới là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách chế độ công vụ; Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Trọng tâm cải cách hành chính 10 năm tới là: Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của tỉnh; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

1. Cải cách thể chế

1.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực; trọng tâm là thể chế liên quan đến thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ; tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức.

1.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế trên các lĩnh vực, cụ thể:

+ Cơ bản hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính nhà nước, trọng tâm là thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển.

+ Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

+ Hoàn thiện thể chế và các khung pháp lý để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

+ Hoàn thiện thể chế về phân cấp, ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 26/6/2020 về đẩy mạnh phân cấp quản lý hành chính nhà nước theo ngành, lĩnh vực nhằm phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

+ Hoàn thiện thể chế nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội nhằm đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật.

- Phấn đấu 100% Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch Nước, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời.

- Phấn đấu 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định của văn bản cấp trên ban hành.

- Phấn đấu 100% văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

b) Đến năm 2030

Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ và tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ, có hiệu quả thể chế của nền hành chính hiện đại, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- 100% nội dung được Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời.

- 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định của văn bản cấp trên ban hành.

- 100% văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

1.3. Nhiệm vụ

a) Tiếp tục hoàn thiện thể chế trên các lĩnh vực

- Ban hành các quy định về tổ chức bộ máy hành chính, về quản lý CBCCVV và người lao động, về chế độ công vụ đầy đủ, đồng bộ trên cơ sở Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức.

- Hoàn thiện hệ thống quy định và chính sách về thu hút đầu tư, đất đai và khoa học và công nghệ để tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Ban hành chính sách mới quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện việc phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương hoặc người có thẩm quyền.

- Sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội nhằm đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật.

+ Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy theo hướng chặt chẽ, khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp, áp dụng kỹ thuật lập pháp tiến bộ trong soạn thảo; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên môn của các hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học và tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, tính nhất quán, ổn định và dự đoán được của pháp luật.

+ Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật để quy định chi tiết các nội dung được giao tại văn bản pháp luật của trung ương.

- Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2023 và giai đoạn 2024-2028.

b) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật

- Xây dựng quy chế và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại các sở, ngành, địa phương.

- Kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

- Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật, tập trung vào các lĩnh vực đầu tư, doanh nghiệp, tài nguyên môi trường nhằm xem xét, đánh giá khách quan thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp đảm bảo cho pháp luật được thực thi nghiêm minh, thống nhất, góp phần nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, chỉ số Par index và PCI của tỉnh.

- Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Mục tiêu chung

Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước; rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC liên quan đến đầu tư, điều kiện kinh doanh, đất đai; tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

2.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31/5/2020.

- Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

- Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các sở, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

- 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được rà soát xây dựng thành Quy trình nội bộ, công bố, công khai, cập nhật kịp thời;

- Tối thiểu 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

b) Đến năm 2030

- Tối thiểu 90% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

- 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

- Tối thiểu 90% thủ tục hành chính của các sở, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

- 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được rà soát xây dựng thành Quy trình nội bộ, công bố, công khai, cập nhật kịp thời;

- Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

2.3. Nhiệm vụ

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, tập trung giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; trao đổi văn bản trên môi trường mạng; số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí. Nâng tỷ lệ cung cấp

dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại các cấp chính quyền.

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính:

+ Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.

+ Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý, bảo đảm thực chất. Tổ chức triển khai có kết quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

+ Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai thủ tục hành chính dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện.

- Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà cho Nhân dân.

- Đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, thông qua tăng cường đối thoại, lắng ý kiến người dân, doanh nghiệp.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

3.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoàn chỉnh Đề án vị trí việc làm của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập nhằm tinh gọn tổ chức bộ máy, giảm đầu mối trung gian, gắn với tinh giản biên chế, đẩy mạnh thực hiện phân cấp quản lý trong từng ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành, tạo sự thống nhất, thông suốt trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở các cơ quan, địa phương, đơn vị. Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động sự nghiệp. Tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành.

3.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương được rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, đảm bảo tiêu chí thành lập, phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- 100% cơ quan, tổ chức được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa cấp trên với cấp dưới; khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

- Cơ cấu lại mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo tính hợp lý, hoạt động hiệu quả; chuyển dần số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước sang ngân sách do đơn vị tự đảm bảo ở các đơn vị: đến năm 2025, giảm tối thiểu bình quân 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

b) Đến năm 2030

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tinh gọn triệt để cơ cấu tổ chức bên trong và các tổ chức trung gian.

- Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ các đơn vị sự nghiệp để chuyển các đơn vị sang hoạt động theo cơ chế tự chủ 100% chi thường xuyên; chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp đủ điều kiện thành công ty cổ phần. Tiếp tục giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước: đến năm 2030, giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

3.3. Nhiệm vụ

- Tiếp tục thông tin, tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc khóa XIII; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, ban hành văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị theo quy định mới của Trung ương; đồng thời ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

- Rà soát, xác định rõ các nhiệm vụ mà các cơ quan hành chính phải thực hiện, tách bạch với hoạt động sự nghiệp của từng ngành, lĩnh vực. Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa các cấp, giữa cấp trên và cấp dưới,

gắn quyền hạn với trách nhiệm trong từng ngành, từng lĩnh vực theo hướng các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. Triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

- Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh số 920-CTr/TU ngày 31/01/2018 về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và số 1011-CTr/TU ngày 03/5/2018 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các đơn vị sự nghiệp thuộc các lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao và du lịch, thông tin và truyền thông đảm bảo vừa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, vừa đảm bảo tinh gọn bộ máy; tập trung sắp xếp cơ cấu bên trong các đơn vị sự nghiệp công lập; giảm đầu mỗi tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Tổ chức thực hiện thống nhất mô hình Trung tâm Y tế cấp huyện trên địa bàn toàn tỉnh.

- Rà soát, sắp xếp, giảm tối đa các các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức để chủ động sắp xếp, tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

- Thực hiện bố trí cấp phó các cơ quan, đơn vị, tổ chức đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Rà soát, đánh giá cụ thể khả năng tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập để xây dựng phương án, lộ trình chuyển dần mức độ tự chủ, giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Đánh giá các điều kiện để xây dựng phương án chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo quy định.

- Rà soát, xây dựng phương án, đề án và tổ chức thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật. Thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý, bố trí sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh bảo đảm đúng các tiêu chí thành lập, tiêu chí số cấp phó, số công chức, viên chức và người lao động theo quy định của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của tỉnh.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động; xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

4.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Xây dựng được đội ngũ có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; 15% số cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền).

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực thi công vụ, nhiệm vụ theo vị trí việc làm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin.

- 70% cán bộ, công chức, viên chức được nâng ngạch, thăng hạng theo đúng vị trí việc làm.

- Hàng năm, tỷ lệ thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đạt tối thiểu 20% so với tổng nhu cầu tuyển dụng.

b) Đến năm 2030

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý.

- Từ 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được thăng hạng, nâng ngạch theo đúng vị trí việc làm.

- Hàng năm, tỷ lệ thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đạt tối thiểu 20% so với tổng nhu cầu tuyển dụng.

4.3. Nhiệm vụ

- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; đảm bảo đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch, thăng hạng.

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu; giảm tỷ lệ người phục vụ trong từng cơ quan, nhất là khối văn phòng.

- Thực hiện thi tuyển công chức lãnh đạo, quản lý; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; đổi mới toàn diện công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo sản phẩm công việc.

- Đổi mới phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. Thực hiện các nội dung chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và yêu cầu của vị trí việc làm, bảo đảm không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả.

- Nâng chuẩn đối với đội ngũ CBCCC cấp xã; đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Mục tiêu chung

Tăng cường công tác quản lý ngân sách nhà nước; nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính; đổi mới cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; tăng mức tự chủ tại một số đơn vị sự nghiệp công lập, giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đảm bảo các doanh nghiệp nhà nước bao gồm doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước chiếm cổ phần chi phối hoạt động có hiệu quả.

5.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2022-2025; định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022.

- Giao tự chủ tài chính cho 100% cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ; Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phấn đấu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

- Giảm bình quân 10% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016-2020.

- Triển khai thực hiện việc thoái vốn nhà nước tại 03 doanh nghiệp cổ phần theo lộ trình của Chính phủ.

b) Đến năm 2030

- Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2026-2030; định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026.

- Triển khai thực hiện việc thoái vốn nhà nước tại 04 doanh nghiệp cổ phần theo lộ trình của Chính phủ; cổ phần hoá chuyển đổi 02 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang Công ty cổ phần.

- Giảm bình quân 15% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021-2025

5.3. Nhiệm vụ

- Tham mưu ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2022-2025; giai đoạn 2026-2030; định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; năm 2026.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán biên chế, kinh phí hành chính; thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng phương án tự chủ tài chính theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; có các giải pháp hiệu quả tăng nguồn thu sự nghiệp, tăng tỷ lệ tự đảm bảo chi thường xuyên; giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

- Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

- Tăng cường quản lý, giám sát tài chính của nhà nước đối với doanh nghiệp thông qua các tiêu chí và hệ thống thông tin; rà soát, xử lý theo quy định các doanh nghiệp yếu kém, thua lỗ; đảm bảo cân đối nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước cho doanh nghiệp nhà nước

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

6.1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh phát triển chính quyền điện tử hướng tới xây dựng chính quyền số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, hình thành kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; gắn quá trình chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ công của chính quyền các cấp.

6.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia;

- 100% cơ sở dữ liệu quốc gia được kết nối, ứng dụng trên địa bàn tỉnh theo lộ trình Chính phủ; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu mở của tỉnh kết nối liên thông trên 80% cơ sở dữ liệu của các sở ngành trên địa bàn tỉnh để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, khai thác trọn đời;

- Triển khai Hệ thống Hội nghị trực tuyến đồng bộ từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã phục vụ họp và chỉ đạo trực tuyến.

- Tối thiểu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Tỷ lệ phủ sóng mạng di động 4G và mạng Internet cáp quang đạt 100% địa bàn dân cư toàn tỉnh, mạng di động 5G đạt 50% địa bàn dân cư toàn tỉnh;

- Tối thiểu 30% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng;

- 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương;

- 80% các hệ thống thông tin của các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

- Phần đầu đưa Hà Tĩnh nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố đứng đầu của cả nước về chính phủ điện tử.

b) Đến năm 2030

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 95% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 85% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu và dịch vụ số đồng bộ 3 cấp; hoạt động giao dịch giữa các cơ quan của chính quyền, giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp cơ bản được thực hiện trên các nền tảng công nghệ số;

- Tối thiểu 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Tối thiểu 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng;

- Tỷ lệ phủ sóng mạng di động 5G đến địa bàn dân cư toàn tỉnh đạt 100%;

- 100% các hệ thống thông tin của các sở, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại;

- Phát triển, nhân rộng các dịch vụ đô thị thông minh đến các trung tâm đô thị của tỉnh;
- Phấn đấu đưa Hà Tĩnh nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước về Chính phủ số.

6.3. Nhiệm vụ

- a) Xây dựng, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế chính sách:
 - Rà soát, đề xuất sửa đổi, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế chính sách để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình phát triển chính quyền số.
 - Cập nhật nâng cấp Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Tĩnh, phiên bản 2.0.
- b) Phát triển hạ tầng số
 - Nâng cấp đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố; từng bước triển khai ứng dụng hệ thống các thiết bị kết nối Internet vạn vật (IOT) trong các lĩnh vực giao thông, năng lượng, điện, nước,... gắn với dịch vụ đô thị thông minh; thuê dịch vụ trung tâm tích hợp dữ liệu điện toán đám mây phục vụ quản lý tập trung các hệ thống cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.
 - Triển khai đồng bộ mạng truyền số liệu chuyên dùng từ cấp tỉnh đến cấp xã, ứng dụng đồng bộ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6).
 - Triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã, đồng thời kết nối với Chính phủ.
- c) Ứng dụng các nền tảng công nghệ số đồng bộ cấp tỉnh
 - Triển khai nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP), kết nối đồng bộ các hệ thống cơ sở dữ liệu, từng bước hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh.
 - Thực hiện kịp thời việc cập nhật, liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia theo lộ trình triển khai của các bộ, ngành và Chính phủ; ứng dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
 - Triển khai áp dụng hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia, nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử trên địa bàn tỉnh bảo đảm thiết thực, hiệu quả để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi.
- d) Phát triển cơ sở dữ liệu số
 - Ban hành danh mục cơ sở dữ liệu của các ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh; các ngành đẩy mạnh thực hiện số hoá, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đồng bộ các hệ thống cơ sở dữ liệu của Trung ương, địa phương thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).
 - Đẩy mạnh số hoá hồ sơ, tài liệu, các quy trình nghiệp vụ và mọi giao dịch công vụ, phát triển các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công.
- đ) Phát triển chính quyền số

- Xây dựng Công dữ liệu của tỉnh, tích hợp với Công dữ liệu quốc gia (data.gov.vn).

- Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ bảo đảm tích hợp, chia sẻ dữ liệu số phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp theo thời gian thực

- Phát triển, hoàn thiện Công Dịch vụ công của tỉnh, kết nối với Công dịch vụ công quốc gia; đưa toàn bộ TTTC đủ điều kiện lên dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Hoàn thiện Hệ thống phần mềm quản lý, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, kết nối, liên thông với các hệ thống quản lý văn bản và điều hành của sở, ban, ngành, địa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyên đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

e) Xây dựng, phát triển đô thị thông minh

- Thí điểm các mô hình đô thị thông minh tại các trung tâm đô thị: thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh. Nhân rộng mô hình đô thị thông minh ra các trung tâm đô thị lớn khi có đủ điều kiện.

- Các ngành chủ động triển khai các nền tảng công nghệ số, dịch vụ số theo hướng cung cấp dịch vụ đô thị thông minh, đặc biệt là các lĩnh vực: Y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, giao thông - logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp, du lịch, chiếu sáng đô thị,...; từng bước nhân rộng ra các trung tâm đô thị, các cụm dân cư kiểu mẫu.

7. Triển khai và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO: 9001 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước

7.1 Mục tiêu chung

Đảm bảo việc duy trì, cải tiến hệ thống tại các cơ quan, tổ chức đã xây dựng và áp dụng HTQLCL đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015; mở rộng phạm vi xây dựng và áp dụng hệ thống đối với khối đơn vị sự nghiệp công lập, bệnh viện và trường học công lập; chuẩn hóa các hoạt động nội bộ, hoạt động điều hành tại các cơ quan hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001; đẩy mạnh gắn kết ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng và áp dụng hệ thống tại UBND cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn Nông thôn mới; đảm bảo 100% thủ tục hành chính được thẩm định danh mục và quy trình nội bộ theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hóa về thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện, trình tự thực hiện đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

7.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Năm 2021 hoàn thành việc xây dựng và chuyển HTQLCL sang TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan HCNN cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và đảm bảo việc duy trì và cải tiến có hiệu quả HTQLCL tại các cơ quan;

- 100% các bệnh viện, 50% đơn vị sự nghiệp cấp huyện, 50% các trường học công lập trên địa bàn tỉnh xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001;

- 100% thủ tục hành chính được thẩm định danh mục và quy trình nội bộ theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hóa về thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện, trình tự thực hiện đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện đặc biệt các thủ tục thuộc các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đầu tư và các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn; gắn kết việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để chuyển thành quy trình điện tử thực hiện trên dịch vụ công.

- Các hoạt động nội bộ, hoạt động khác của cơ quan được rà soát xây dựng thành quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan và quy trình riêng của từng cơ quan, hướng tới điện tử hóa 50% quy trình đã xây dựng;

- Thí điểm mô hình áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 (ISO 18091:2019) Hệ thống quản lý chất lượng - Hướng dẫn áp dụng ISO 9001 tại các cơ quan chính quyền địa phương.

- 50% UBND cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 theo hướng quy trình điện tử.

b) Đến năm 2030

- 100% cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh đã xây dựng và áp dụng HTQLCL duy trì, cải tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001;

- Phần đầu 100% đơn vị sự nghiệp cấp huyện, 100% các trường học công lập trên địa bàn tỉnh xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001;

- Các hoạt động nội bộ, hoạt động khác của cơ quan được rà soát xây dựng thành quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan và quy trình riêng của từng cơ quan đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001, hướng tới điện tử hóa 100% quy trình đã xây dựng;

- Đánh giá việc thực hiện mô hình thí điểm áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 (ISO 18091:2019) Hệ thống quản lý chất lượng - Hướng dẫn áp dụng ISO 9001 tại các cơ quan chính quyền địa phương giai đoạn 2021-2025, đề xuất nhân rộng xây dựng thêm tại các cơ quan chính quyền địa phương cấp huyện còn lại.

- 100% các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 theo hướng quy trình điện tử.

7.3. Nhiệm vụ

- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan, đơn vị đã áp dụng; tổ chức triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất

lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các bệnh viện, đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện, trường học trên địa bàn;

- Triển khai xây dựng 1- 2 mô hình thí điểm áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 (ISO 18091:2019) Hệ thống quản lý chất lượng - Hướng dẫn áp dụng ISO 9001 tại các cơ quan chính quyền địa phương; tổ chức đánh giá, tổng kết và nhân rộng thực hiện tại các chính quyền địa phương cấp huyện còn lại.

- Đẩy mạnh gắn kết ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 tại UBND cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn Nông thôn mới.

- Tiếp tục thẩm định danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính theo các quy định của pháp luật có liên quan, các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hóa về thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện, trình tự thực hiện đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện đặc biệt các thủ tục thuộc các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đầu tư và các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng để chuyển quy trình nội bộ thủ tục hành chính thành quy trình điện tử thực hiện trên Cổng dịch vụ công.

- Rà soát xây dựng quy trình liên thông, nội bộ dùng chung cho các cơ quan và quy trình riêng của từng cơ quan đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001 đối với giải quyết thủ tục hành chính giữa các cơ quan hành chính nhà nước và các hoạt động nội bộ, hoạt động khác của cơ quan (không liên quan đến thủ tục hành chính), hướng tới điện tử hóa các quy trình đã xây dựng.

8. Xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

8.1 Mục tiêu chung

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, công khai, minh bạch để tăng cường thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp đóng góp ngày càng cao vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của doanh nghiệp trong tỉnh; tạo thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

8.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Mức độ thu hút đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 220 nghìn tỷ đồng.
- Mỗi năm thành lập mới trên 1.000 doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, phấn đấu đến năm 2025 toàn tỉnh có trên 15.000 doanh nghiệp.
- Mật độ doanh nghiệp hoạt động bình quân đạt trên mức bình quân của cả nước.
- Tổng vốn đầu tư từ khu vực doanh nghiệp chiếm từ 60% - 65% tổng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh.
- Hàng năm, hỗ trợ đào tạo cho khoảng 1.000 lượt người về quản trị doanh nghiệp và khởi sự doanh nghiệp.

b) Đến năm 2030

- Mức độ thu hút đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 352 nghìn tỷ đồng.
- Mỗi năm thành lập mới trên 1.000 doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, phấn đấu đến năm 2030 có trên 20.000 doanh nghiệp.
- Mật độ doanh nghiệp hoạt động bình quân đạt trên mức bình quân của cả nước.
- Tổng vốn đầu tư từ khu vực doanh nghiệp chiếm từ 65% tổng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh.
- Hàng năm, hỗ trợ đào tạo cho khoảng 1.200 lượt người về quản trị doanh nghiệp và khởi sự doanh nghiệp.

8.3. Nhiệm vụ

- Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Đổi mới tư duy quản lý, xem doanh nghiệp, nhà đầu tư là đối tượng phục vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức “kỷ cương - trách nhiệm - tận tình - thân thiện” để phục vụ doanh nghiệp và người dân.

- Hoàn thiện các chính sách thu hút, hợp tác đầu tư nhất là đối với đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao, hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Công khai minh bạch hóa thông tin cho doanh nghiệp về các thông tin liên quan đến quy hoạch như: quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quyết định, chính sách, thủ tục hành chính cho Nhân dân, doanh nghiệp trên website/trang thông tin điện tử của đơn vị....

- Triển khai và thực hiện có hiệu quả Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) để cải thiện chất lượng điều hành của các sở, ban, ngành và huyện/thành phố; tạo động lực cải cách liên tục và đồng bộ giữa các ngành, các cấp nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, minh bạch.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vượt qua ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình triển khai các dự án đầu tư, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để đề xuất các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả gắn với nhu cầu thực tiễn; giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc của cộng đồng doanh nghiệp.

- Có chính sách ưu tiên thu hút đầu tư đối với các dự án đầu tư lớn phù hợp với định hướng đầu tư của tỉnh, dự án công nghệ cao, các công ty đa quốc gia lớn, gắn với yêu cầu chuyên giao và lan tỏa rộng rãi công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với các doanh nghiệp trong nước, nhất là trong phát triển ngành logistics, chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao.

- Phát triển doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng, trọng tâm là phát triển chất lượng, có năng lực cạnh tranh, bền vững, trong đó có một số doanh nghiệp lớn, nguồn lực mạnh để làm “đầu tàu” dẫn dắt các doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị; phân đầu mật độ doanh nghiệp đang hoạt động trên 1.000 dân đạt trên mức bình quân của cả nước.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động đối thoại doanh nghiệp ở các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở; đa dạng các kênh chủ động tiếp thu, nắm bắt nhanh chóng tình hình doanh nghiệp, nhà đầu tư, khu vực dân doanh để có các giải pháp kịp thời hỗ trợ. Phát huy hiệu quả cơ chế công khai, minh bạch và giám sát các hoạt động đối thoại doanh nghiệp.

- Xây dựng, củng cố mối quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp, người dân; đối tác gắn bó dài hạn; đồng hành cùng nhà đầu tư, doanh nghiệp; hỗ trợ, chăm sóc sau cấp phép, sau đăng ký doanh nghiệp. Đảm bảo môi trường đầu tư kinh doanh an toàn, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản, giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

(Kèm phụ lục Đề án/nhiệm vụ CCHC trọng tâm giai đoạn 2021-2030)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính từ Ủy ban nhân dân tỉnh đến các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan thường trực cải cách hành chính của tỉnh và các cơ quan được giao chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính. Có cơ chế phân công, phối hợp, rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm Chương trình được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đề ra. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính. Có cơ chế khuyến khích sáng tạo, phát huy các giải pháp mới (sáng kiến) về cải cách hành chính để đưa vào áp dụng hiệu quả, chất lượng.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp. Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; tăng cường các hình thức thông tin, tương tác với người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng, chú trọng tuyên truyền về những giải pháp, lợi ích mà chính quyền cung cấp cho người dân, doanh nghiệp; nêu gương các cá nhân, tổ chức làm tốt công tác cải cách hành chính.

3. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính; nâng cao năng lực nghiên cứu và tham mưu của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của các sở, ngành, địa phương. Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với Nhân dân. Tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng nhiều biện pháp, như: đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến nâng cao lợi ích của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các chính sách thỏa đáng; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc; cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện cải cách hành chính.

Tăng cường kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính, kiểm tra, thanh tra công vụ, chú trọng kiểm tra đột xuất; xử lý nghiêm cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật và trách nhiệm thực thi công vụ, gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

5. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thường xuyên tổ chức đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hằng năm của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức khảo sát, đánh giá. Xây dựng, triển khai các Đề án đo lường sự hài lòng để đánh giá hiệu quả các hoạt động liên quan thiết yếu đến người dân, doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin trong khảo sát, điều tra xã hội học để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác cải cách hành chính được bố trí trong dự toán hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, Ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của đơn vị và tổ chức thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

- Phổ biến, tuyên truyền kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh và của đơn vị nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức

đối với công tác cải cách hành chính; đặc biệt là nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị đối với công tác cải cách hành chính.

- Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

2. Các đơn vị được giao chủ trì tham mưu các Đề án, nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục ban hành kèm theo Chương trình này có trách nhiệm xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Sở Nội vụ

- Là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch CCHC hằng năm của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng yêu cầu, tiến độ đề ra.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC; các nội dung về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hằng quý, 6 tháng và hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm của các Sở, Ban, ngành, địa phương; triển khai thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước để triển khai xác định chỉ số CCHC hằng năm cho các đơn vị, địa phương.

- Hằng năm, tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết việc thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 gắn với tổng kết Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2021 - 2025 và tổng kết việc thực hiện Chương trình này vào năm 2030.

4. Sở Tư pháp

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế.

- Chủ trì tham mưu cập nhật có hiệu quả cơ sở dữ liệu về hộ tịch, đảm bảo liên thông đồng bộ và chia sẻ dữ liệu dùng chung, kết nối với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính; triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số; theo dõi, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Sở Tài chính

- Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

- Tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong dự toán chi thường xuyên ngân sách hằng năm của các Sở, ngành, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO: 9001 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO: 9001.

- Chủ trì việc thẩm định quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định và kiểm tra việc tuân thủ quy trình trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Tham mưu đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến, giải pháp hữu ích trong cải cách hành chính.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

10. Sở Y tế

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

b) Tham mưu triển khai thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Tham mưu triển khai thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

12. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì tham mưu cập nhật có hiệu quả cơ sở dữ liệu về đất đai, đảm bảo liên thông đồng bộ và chia sẻ dữ liệu dùng chung, kết nối với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

13. Công an tỉnh

Chủ trì tham mưu cập nhật có hiệu quả cơ sở dữ liệu về dân cư, căn cước công dân, đảm bảo liên thông đồng bộ và chia sẻ dữ liệu dùng chung, kết nối với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

14. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh

Phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chuyên mục, chuyên trang và tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm, bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú về công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH